

Số: 1035 /QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Viện;
- Website Viện Hàn lâm (để đăng tin);
- Lưu: VT, UĐTKCN.KH

[Chữ ký]





CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1035/QĐ-VHL ngày 13 / 6 /2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Tây Nguyên (bao gồm địa bàn 05 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng) có vị trí địa sinh thái đầu nguồn với những hệ sinh thái nhiệt đới rất đặc trưng, địa chính trị chiến lược, địa văn hóa đặc sắc có vai trò chi phối mang tính quyết định, toàn diện đối với các vùng ngoại vi ở trong nước (Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ) và quốc tế. Tây Nguyên cũng là vùng hết sức giàu có về tài nguyên thiên nhiên như: (i) Khoáng sản đa dạng và phong phú, với các loại khoáng sản có trữ lượng lớn như than bùn, than nâu, sét, cao lanh và một số kim loại màu, bauxite và sắt...; (ii) Tiềm năng thủy điện lớn nhất đất nước, hiện đã khai thác tổng công suất trên 9412MW, chiếm khoảng 35% tổng công suất nguồn điện của cả nước; (iii) Tài nguyên đất với 1,3 triệu ha đất đỏ bazan với hàm lượng chất hữu cơ, đạm, lân, kali...cao, cho phép phát triển nhiều loại cây trồng, nhất là cây công nghiệp dài ngày như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, chè, dâu tằm, cây ăn quả...; (iv) Đa dạng sinh học với khu hệ thực vật có trên 3.000 loài bậc cao, trong đó có hơn 1.000 loài cây cảnh, gần 1.000 loài dược liệu, 600 loài cây gỗ lớn, đặc biệt có nhiều loài cây lớn cực kỳ quý hiếm và hệ động vật không chỉ giàu về thành phần loài mà còn có số lượng lớn, được coi là khu vực phong phú bậc nhất về động vật hoang dã ở Đông Nam Á, là một trung tâm rất đáng chú ý về số loài đặc hữu. Tuy nhiên, việc khai thác tài nguyên thiên nhiên trong thời gian vừa qua ở khu vực này còn nhiều bất cập nên tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, GDP đầu người vẫn còn thấp, tỷ lệ nghèo đói cao. Để phát triển bền vững khu vực địa sinh thái đặc thù Tây Nguyên, Bộ Chính trị đã đưa ra Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 23-NQ/TW). Để đạt được các mục tiêu đề ra của Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 15/11/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ra Nghị quyết số 152/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW (sau đây gọi là Nghị quyết số 152/NQ-CP).

Theo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (theo Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ), Chiến lược phát triển Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện Hàn lâm) đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 và trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của Chương trình KH&CN cấp quốc gia, “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên” (gọi tắt là Chương trình Tây Nguyên), Viện Hàn lâm ban hành Chương trình hành động để các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc

phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 hiệu quả, đạt và vượt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Chương trình hành động gồm các nội dung chính sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Viện Hàn lâm triển khai thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 23-NQ/TW nhằm xây dựng và phát triển Tây Nguyên là vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; giàu bản sắc văn hóa dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế.

2. Chương trình hành động nhằm từng bước ứng dụng các kết quả nghiên cứu Khoa học và Công nghệ thuộc Chương trình Tây Nguyên để phát triển kinh tế - xã hội khu vực trên 05 trụ cột (an ninh, văn hóa, kinh tế, xã hội, môi trường) và 03 tầng giá trị (giá trị cốt lõi - giá trị căn bản và giá trị đặc trưng) đảm bảo mục tiêu bền vững (bảo đảm an ninh truyền thống và phi truyền thống), bền lâu văn hóa xã hội và giàu đẹp vốn có của khu vực.

3. Chương trình hành động nhằm thể hiện được định hướng chỉ đạo của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng các tỉnh vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng Đông Nam Bộ và khu vực duyên hải Trung Bộ nhằm đảm bảo xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

4. Phân đầu đạt các mục tiêu nhằm đảm bảo các chỉ tiêu đặt ra của Nghị quyết số 152/NQ-CP với các nhiệm vụ phát triển kinh tế vùng nhanh, xã hội ổn định và môi trường bền vững:

- Xây dựng khung “Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tham gia chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng khung “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tham gia với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Chương trình công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn đến năm 2030 khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tham gia với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các đề án: (i) Thí điểm về cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu; (ii) Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng hỗ trợ các địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh; (iii) Phát triển Sâm Ngọc Linh và (iv) Phát triển chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tham gia với Bộ Công thương thực hiện đề án: (i) Tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo vùng Tây Nguyên và (ii) Chế biến sâu khoáng sản bảo vệ môi trường khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tham gia với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện các đề án: (i) Nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên giai đoạn 2021-2030 và (ii) Xây dựng Trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tham gia với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên đến năm 2030 khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phối hợp với ủy ban nhân dân các tỉnh trên địa bàn khu vực Tây Nguyên đẩy nhanh ứng dụng các kết quả nghiên cứu của Chương trình Tây Nguyên vào thực tiễn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế vùng, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; Phát triển công nghiệp chế biến là động lực; Phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao.

Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên” giai đoạn 2011-2020 đã triển khai 94 nhiệm vụ (đề tài) trong các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học công nghệ, Khoa học xã hội, trong đó: Lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ thực hiện 65 nhiệm vụ và đã hoàn thành với nhiều kết quả tốt cả về nội dung Khoa học và Công nghệ, về ứng dụng công nghệ trong các mô hình thực nghiệm, mô hình triển khai thực tế tại địa phương, đồng thời cũng nêu ra những kiến nghị ở những mức độ thích hợp đối với Nhà nước, các tỉnh Tây Nguyên để xem xét và áp dụng những kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế trong những năm tới. Về lĩnh vực khoa học cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến thích hợp vào thực tiễn ở Tây Nguyên.

- Triển khai ứng dụng các phương pháp, công nghệ viễn thám và công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông trong quản lý tài nguyên thiên nhiên (đất, rừng, thảm thực vật, diện tích canh tác nông nghiệp...), môi trường (khai thác khoáng sản, tai biến địa chất...);

- Đầu tư hình thành mạng lưới quan trắc cảnh báo thảm họa thiên tai động đất, trượt lở đất tự động cho khu vực Tây Nguyên trên cơ sở hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ cảnh báo tỷ lệ lớn nguy cơ trượt lở và hệ thống quan trắc cảnh báo trượt tự động tại những khu vực trọng điểm kinh tế - xã hội, đô thị lớn trên địa bàn đặc biệt tại các khu vực phát triển hệ thống công trình thủy điện, thủy lợi lớn gây ra các tai biến thiên nhiên kích thích;

- Bảo tồn và phát triển một số loài dược liệu chủ lực, ứng dụng công nghệ chế biến các chế phẩm có giá trị kinh tế cao từ các loài dược liệu bản địa quý hiếm tại Tây Nguyên: Cần xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển một số loài cây dược liệu (trong đó có Nấm Linh chi, Sâm Ngọc Linh), cây tinh dầu có giá trị kinh tế cao trên địa bàn Tây Nguyên nhằm định hướng phát triển các vùng nguyên liệu dược bản địa, độc đáo;

- Phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng xanh, năng lượng tái tạo. Phát triển năng lượng tái tạo (năng lượng gió và mặt trời cho phát điện) nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch, khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế

tuần hoàn. Áp dụng rộng các mô hình công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất, chế biến nông lâm sản đã được nghiên cứu, thử nghiệm trong thực tế cho hiệu quả kinh tế và an toàn môi trường;

- Ứng dụng các giải pháp thu hồi kim loại quý và cải tạo, phục hồi hệ sinh thái trong khai thác khoáng sản nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng tài nguyên khoáng sản và ngăn ngừa hoang mạc hóa đất tại đây;

- Tổng hợp, bán tổng hợp các hợp chất có hoạt tính sinh học, tổng hợp nano dược, vật liệu nano mang thuốc, nghiên cứu chiết tách, phân lập các hợp chất mới có nguồn gốc thiên nhiên, nghiên cứu tương quan giữa cấu trúc và hoạt tính cũng như động học và cơ chế của các hệ hóa học và sinh học.

2. Ứng dụng công nghệ trong phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng chuyên canh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển các cây ăn quả chủ lực (sầu riêng, bơ, chanh leo, chôm chôm, mít,...), cây công nghiệp (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè), cây dược liệu, rau, hoa, chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm) có giá trị kinh tế cao và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện trên lưu vực Sông Sêsan, Sông Srêpôk, Sông Ba và hệ thống sông Đồng Nai.

- Ứng dụng cơ sở dữ liệu hệ gen và phát triển các nghiên cứu tin sinh học nhằm phục vụ cho lĩnh vực y học, nông nghiệp, công nghiệp, môi trường; đánh giá và khai thác nguồn gen thực vật, vi sinh vật, động vật hữu ích có giá trị phục vụ các ngành nông nghiệp, y dược và môi trường; nghiên cứu chế tạo, sản xuất các loại vaccine tái tổ hợp phòng chống các bệnh cho gia súc, gia cầm do vi sinh vật gây ra; phát triển công nghiệp sinh học để sử dụng các tế bào, các vi sinh vật hoặc các hợp phần của tế bào để thu nhận các sản phẩm hữu ích ở quy mô công nghiệp;

- Ứng dụng công nghệ sản xuất các chế phẩm phân bón lá sinh học, phân vi sinh chức năng, các chế phẩm vi sinh bản địa và sử dụng tích hợp các chế phẩm sinh, hóa học nhằm phát triển hiệu quả và bền vững một số cây trồng quan trọng (cà phê, hồ tiêu, ngô...);

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi gia súc chủ lực (bò sữa và bò hướng thịt, trâu), chăn nuôi heo rừng Tây Nguyên quy mô tập trung, quy mô nông hộ tạo sinh kế bền vững cho người dân;

- Nghiên cứu sử dụng công nghệ đèn LED và năng lượng pin mặt trời trong chọn tạo, sản xuất các giống cây trồng có giá trị thương mại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ứng dụng triển khai các mô hình chiếu sáng điều khiển quang chu kỳ bằng đèn LED chuyên dụng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất các cây trồng thương mại;

- Ứng dụng công nghệ nuôi cấy Bioreactor trong sản xuất và chuẩn hóa nguồn sinh khối dược liệu cây sâm Ngọc Linh;

- Đa dạng sinh học và các chất có hoạt tính sinh học trong triển khai công nghệ sinh thái trong nông nghiệp và môi trường; triển khai công nghệ sinh học xanh trong bảo tồn đa dạng sinh học. Tổng hợp các thuốc tác dụng tại đích sử dụng các công nghệ bào chế hiện đại như công nghệ nano, mixel, các chất mang mới; nghiên cứu và ứng dụng hoá học xanh, các quá trình hoá học sử dụng ít năng lượng; nghiên cứu tổng hợp các hoạt chất của thuốc đã hết hạn bản quyền (thuốc generic) nhằm tiến tới xây dựng

quy trình công nghệ sản xuất tại Việt Nam.

3. Ứng dụng công nghệ trong phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng.

- Điều tra, nghiên cứu các đặc trưng cơ bản về tự nhiên, tài nguyên sinh vật, môi trường, các quy luật tự nhiên và thiên tai tác động đến hệ sinh thái;

- Nghiên cứu các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, các hợp chất có hoạt tính sinh học, các dạng tài nguyên mới, tài nguyên phi thực phẩm, bảo tồn tài nguyên, khai thác và chế biến tài nguyên, dự báo tài nguyên và môi trường, biến đổi khí hậu và thiên tai nhằm phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; tiến hành khoanh nuôi tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp với trồng bổ sung làm giàu rừng; cải tạo rừng thay thế đối với các diện tích rừng nghèo kiệt, kém chất lượng;

- Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng nhằm tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ carbon; thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu và các loại lâm sản ngoài gỗ, tạo việc làm cho người dân, tăng nguồn thu nhằm tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

4. Ứng dụng công nghệ trong phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm; phát triển ngành cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Duy trì phát triển ổn định, bền vững thủy điện trên cơ sở đảm bảo môi trường và sinh kế của người dân; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo; nghiên cứu khả năng cung cấp điện tại chỗ để phát triển ngành luyện kim nhôm.

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu đánh giá triển vọng nguồn tài nguyên khoáng sản (trọng tâm là các khoáng sản có giá trị cao), khai thác và chế biến khoáng sản. Nghiên cứu đánh giá, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên khoáng sản, đất, nước, di sản địa chất, công viên địa chất, tài nguyên vị thế...;

- Ứng dụng các phương pháp địa vật lý nghiên cứu môi trường địa chất, cấu trúc vỏ Trái đất và thăm dò khoáng sản; ứng dụng công nghệ GPS liên tục trong nghiên cứu địa động lực hiện đại; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến quan trắc tự động và cảnh báo động đất, sóng thần và các dạng thiên tai khác;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám và phân tích không gian, ứng dụng lý thuyết nhận dạng, khoa học máy tính, hệ tri thức..., mô hình hóa; tổ chức và quy hoạch lãnh thổ; phát triển hài hòa kinh tế - xã hội và môi trường ở các vùng đặc thù. An toàn nguồn nước, suy thoái nguồn nước và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước; các giải pháp khoa học công nghệ tăng cường năng lực ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn;

- Xây dựng công nghệ khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo ở Việt Nam; công nghệ khai thác, biến đổi, truyền tải, phân phối và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nhiên liệu - năng lượng; nghiên cứu chế tạo các thiết bị và vật liệu mới trong năng lượng.

5. Ứng dụng công nghệ trong phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, logistics của vùng dựa trên nền tảng số theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ với trọng tâm là du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, gắn với phát triển nông

nghiệp, hệ thống logistics thông minh và kinh tế cửa khẩu, nhất là các cửa khẩu quốc tế. Hình thành và phát triển các hình thức tổ chức thị trường hiện đại như sàn giao dịch hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của vùng; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm quốc gia như cà phê, cao su, sầu riêng, bơ, hồ tiêu,...

- Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên, môi trường và thiên tai phục vụ phát triển kinh tế và dân sinh; bảo vệ môi trường; góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng, quyền và lợi ích quốc gia vùng biên giới. Nghiên cứu các vấn đề về biến động môi trường, môi trường xuyên biên giới, dự báo và đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Phát triển thương mại hóa các sản phẩm thuộc công nghệ màng, công nghệ xử lý tiên tiến tích hợp khép kín, công nghệ plasma trong xử lý chất thải nguy hại, xử lý chất thải thu hồi vật liệu và năng lượng, các vật liệu trong xử lý môi trường, áp dụng mô hình đất ngập nước để xử lý ô nhiễm cho khu vực nông thôn; nghiên cứu phát triển các công nghệ thích hợp trong quan trắc và xử lý ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí; nghiên cứu ứng dụng vi tảo, vi khuẩn lam tạo các hoạt chất sinh học và xử lý môi trường nước; nghiên cứu phân tích các chất độc, kiểm soát an toàn thực phẩm.

6. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số nhằm phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vùng phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa; trí tuệ nhân tạo; công nghệ dữ liệu lớn và xử lý dữ liệu lớn kết hợp với Internet vạn vật; công nghệ an ninh mạng thông minh, tự khắc phục và thích ứng; robot tự hành; robot cộng tác; phương tiện bay không người lái; nông nghiệp chính xác;

- Công nghệ tin sinh học; y học cá thể hóa; công nghệ giám sát sức khỏe;

- Ứng dụng khoa học vũ trụ và vật lý thiên văn, đặc biệt những ứng dụng của lĩnh vực này trong mô phỏng môi trường vũ trụ phục vụ công tác giám sát các khu đô thị, quản lý ngập lụt đô thị, các khu nông nghiệp công nghệ cao nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai.

7. Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương liên kết với doanh nghiệp để chuyển giao các kết quả nghiên cứu và thương mại hóa sản phẩm, thúc đẩy đăng ký sở hữu trí tuệ các sản phẩm đặc thù của địa phương (Bằng độc quyền sở hữu trí tuệ, giống cây trồng vật nuôi, chỉ dẫn địa lý...).

8. Hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số: Mở rộng các trung tâm, Viện nghiên cứu của Viện Hàn lâm trên địa bàn và phối hợp xây dựng các trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt.

Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu ứng dụng triển khai và công nghệ trong các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu gồm: Công nghệ sinh học ứng dụng; công nghệ thông tin, công nghệ vũ trụ (viễn thám, GIS)... phục vụ quản lý tài nguyên, phòng chống thiên tai, ô nhiễm môi trường tiến tới phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số chống biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo - nghiên cứu khoa học và hỗ trợ sáng tạo - khởi nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với các UBND tỉnh, sở, ngành trên địa bàn Tây Nguyên nhằm đẩy mạnh chuyển giao các kết quả nghiên cứu do đơn vị thực hiện trong Chương trình Tây Nguyên và tư vấn các giải pháp được đề ra trong mục II. Trong quá trình nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ cho Tây Nguyên, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Ban Kế hoạch - Tài chính trên cơ sở các kết quả đã đạt được của Chương trình Tây Nguyên giai đoạn 2011-2020 xây dựng Đề xuất “Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045” trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm đệ trình Chính phủ trong năm 2023.

3. Giao Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ đánh giá và đề xuất tham mưu lãnh đạo Viện Hàn lâm các nội dung hợp tác KH&CN với UBND các tỉnh, thành Tây Nguyên nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách của địa phương, bộ, ngành trên địa bàn, chú trọng các lĩnh vực về chuyển giao công nghệ của Viện Hàn lâm, hỗ trợ các địa phương trong đăng ký Sở hữu trí tuệ các sản phẩm đặc thù (quyền sở hữu trí tuệ, giống cây trồng vật nuôi, chỉ dẫn địa lý...) thông qua các nhiệm vụ hợp tác với địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn Tây Nguyên.

4. Định kỳ hằng năm, các đơn vị trực thuộc tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện và gửi Viện Hàn lâm trước ngày 10/12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định./. *lf*

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ